CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUYẾT ĐỊNH[1]
Về việc ban hành tờ khai trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu và hướng dẫn khai báo

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Quyết định số 30/2008/QĐ-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành tờ khai trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu và hướng dẫn khai báo, có hiệu lực từ ngày 18 tháng 6 năm 2008, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 182/2012/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung điểm 1, mục I hướng dẫn khai báo trị giá tính thuế trên tờ khai trị giá ban hành kèm theo Quyết định số 30/2008/QĐ-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, có hiệu lực từ ngày 09 tháng 12 năm 2012.

Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ Thông tư số 40/2008/TT-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,[2]

---

[1] Văn bản này được hợp nhất từ 02 văn bản sau:

Quyết định số 30/2008/QĐ-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành tờ khai trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu và hướng dẫn khai báo, có hiệu lực từ ngày 18 tháng 6 năm 2008;

Thông tư số 182/2012/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung điểm 1, mục I hướng dẫn khai báo trị giá tính thuế trên tờ khai trị giá ban hành kèm theo Quyết định số 30/2008/QĐ-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, có hiệu lực ngày 09 tháng 12 năm 2012.

Văn bản hợp nhất này không thay thế 02 văn bản nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này tờ khai trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu và hướng dẫn khai báo trị giá tính thuế trên tờ khai trị giá.

Điều 2[3]**.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo[4], áp dụng cho các tờ khai hàng hóa nhập khẩu đăng ký với cơ quan hải quan./.

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 12/VBHN-BTC

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2014
KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

[2] Thông tư số 182/2012/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung điểm 1, mục I hướng dẫn khai báo trị giá tính thuế trên tờ khai trị giá ban hành kèm theo Quyết định số 30/2008/QĐ-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, có hiệu lực từ ngày 09 tháng 12 năm 2012, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 07 tháng 9 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu và gửi kho ngoại quan;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung điểm 1, mục I hướng dẫn khai báo trị giá tính thuế trên tờ khai trị giá ban hành kèm theo Quyết định số 30/2008/QĐ-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính như sau:"

[3] Điều 3 của Thông tư số 182/2012/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung điểm 1, mục I hướng dẫn khai báo trị giá tính thuế trên tờ khai trị giá ban hành kèm theo Quyết định số 30/2008/QĐ-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 12 năm 2012 quy định như sau:

"Điều 3. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành.

1. Cơ quan hải quan, người khai hải quan, người nộp thuế và các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện việc khai báo tờ khai trị giá tính thuế theo quy định tại Thông tư này; Trường hợp phát sinh vướng mắc phản ánh về Bộ Tài chính để được xem xét, hướng dẫn giải quyết.

2. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký, thay thế Thông tư số 163/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Bộ Tài chính.

3. Quá trình thực hiện nếu các văn bản đề cập tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó".

[4] Quyết định số 30/2008/QĐ-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành tờ khai trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu và hướng dẫn khai báo, có hiệu lực từ ngày 18 tháng 6 năm 2008; đăng Công báo số 334 và số 334 ngày 03 tháng 6 năm 2008.

HƯỚNG DẪN
KHAI BÁO TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ TRÊN TỜ KHAI TRỊ GIÁ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 30/2008/QĐ-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1[5]. Đối tượng áp dụng

Điều 1. *Hàng hóa thuộc các đối tượng quy định tại Điều này không phải khai tờ khai trị giá tính thuế nhưng vẫn phải khai báo trị giá trên tờ khai xuất khẩu hoặc tờ khai nhập khẩu theo đúng quy định:*

1. Hàng hóa xuất khẩu;

2. Hàng hóa nhập khẩu không có hợp đồng mua bán được xác định trị giá tính thuế theo trị giá khai báo quy định tại khoản 5, Điều 20 Thông tư số 205/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính;

3. Hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, xét miễn thuế theo quy định tại Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

4. Hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế theo quy định tại Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

5. Hàng hóa nhập khẩu theo loại hình nhập nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu;

6. Hàng hóa không thuộc đối tượng phải xác định trị giá tính thuế theo một trong sáu phương pháp xác định trị giá tính thuế quy định tại Điều 20 Thông tư số 205/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính.

Điều 2. *Hàng hóa phải khai báo trị giá tính thuế trên tờ khai trị giá theo quy định tại Quyết định số 30/2008/QĐ-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính:*

1. Hàng hóa nhập khẩu không thuộc đối tượng quy định tại Điều 1 Thông tư này;

2. Hàng hóa nhập khẩu theo khai báo thuộc các đối tượng nêu tại khoản 3, 4, 5 Điều 1 Thông tư này nhưng thay đổi mục đích sử dụng hoặc thay đổi loại hình nhập khẩu.[5]

Hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng xác định trị giá tính thuế theo quy định tại Thông tư hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phải khai báo trị giá tính thuế trên tờ khai trị giá tính thuế hoặc mẫu khai báo trị giá tính thuế (sau đây gọi chung là tờ khai trị giá tính thuế).

---

[5] Nội dung của điểm 1 Mục I (đoạn có chữ nghiêng) được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 và Điều 2 của Thông tư số 182/2012/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 12 năm 2012.

Tờ khai trị giá tính thuế bao gồm các loại sau đây:

a) Tờ khai trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu ký hiệu HQ/2008-TGTT và phụ lục tờ khai trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu ký hiệu HQ/2008-PLTG, áp dụng cho phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu;

b) Các mẫu khai báo trị giá tính thuế.

- Mẫu PP2 áp dụng cho phương pháp xác định trị giá tính thuế theo trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu giống hệt;

- Mẫu PP3 áp dụng cho phương pháp xác định trị giá tính thuế theo trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu tương tự;

- Mẫu PP4 áp dụng cho phương pháp xác định trị giá tính thuế theo trị giá khấu trừ;

- Mẫu PP5 áp dụng cho phương pháp xác định trị giá tính thuế theo trị giá tính toán;

- Mẫu PP6 áp dụng cho phương pháp xác định trị giá tính thuế theo phương pháp suy luận.

2. Quy định về khai báo

a) Trị giá tính thuế khai báo trên tờ khai trị giá tính thuế là trị giá tính thuế của một đơn vị hàng hóa nhập khẩu;

b) Người khai hải quan có nghĩa vụ kê khai đầy đủ, chính xác các nội dung trong tờ khai trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu và chịu trách nhiệm pháp lý về các nội dung đã kê khai;

c) Trường hợp xác định trị giá tính thuế theo phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu, người khai hải quan phải khai báo trên Tờ khai trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu HQ/2008-TGTT và Phụ lục tờ khai trị giá HQ/2008-PLTG;

d) Trường hợp xác định trị giá tính thuế theo phương pháp khác, người khai hải quan sử dụng mẫu khai báo trị giá tính thuế phù hợp theo từng phương pháp để khai báo. Người khai hải quan có thể tự thiết kế mẫu khai báo trị giá tính thuế cho phù hợp với hồ sơ nhập khẩu nhưng phải đảm bảo đầy đủ các nội dung được quy định trong mẫu khai báo trị giá tính thuế đó;

đ) Để đảm bảo tính thống nhất giữa tờ khai trị giá với tờ khai hàng hóa nhập khẩu (HQ/2002-NK), các mặt hàng khai báo trên tờ khai HQ/2002-NK phải được đánh số liên tục.

Ví dụ: Phụ lục 1 tờ khai HQ/2002-NK: số thứ tự các mặt hàng: 1 - 9; Phụ lục 2 tờ khai HQ/2002-NK: số thứ tự phải đánh tiếp theo là 10.

3. Tính pháp lý của tờ khai trị giá

a) Tờ khai trị giá là bộ phận không tách rời của tờ khai hàng hóa nhập khẩu (HQ/2002-NK) và được nộp kèm theo tờ khai HQ/2002-NK khi làm thủ tục hải quan;

b) Tờ khai trị giá phải lập thành 02 bản, một bản lưu cơ quan hải quan, một bản lưu chủ hàng;

c) Tờ khai trị giá được lưu trữ cùng với tờ khai hàng hóa nhập khẩu theo quy định của pháp luật.

II. HƯỚNG DẪN KHAI BÁO TRÊN TỜ KHAI TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU HQ/2008-TGTT VÀ PHỤ LỤC TỜ KHAI TRỊ GIÁ HQ/2008-PLTG

1. Hình thức, kích thước tờ khai trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu

a) Tờ khai trị giá được in trên 2 mặt giấy khổ A4, chữ đen, nền màu vàng có biểu tượng hải quan in chìm;

b) Ngôn ngữ sử dụng: tiếng Việt.

2. Kết cấu tờ khai trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu

a) Mặt trước của tờ khai:

Phần tiêu đề của tờ khai trị giá (*Kèm theo tờ khai hàng hóa nhập khẩu HQ/2002-NK số……/NK/...../..... ngày...../..../200...)*, dành riêng cho công chức hải quan ghi chép.

Tiêu thức 1 đến tiêu thức 24 là phần khai báo của người khai hải quan;

b) Mặt sau của tờ khai:

- Từ tiêu thức 6 đến tiêu thức 25 là phần khai báo của người khai hải quan;

- Tiêu thức 26, tiêu thức 27 dành riêng cho công chức hải quan ghi chép.

3. Hướng dẫn khai báo tờ khai trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu

- Tờ khai trị giá được sử dụng để khai báo cho tối đa 08 mặt hàng. Các mặt hàng có các tiêu thức từ tiêu thức 1 đến tiêu thức 5 giống nhau được khai báo trên cùng một tờ khai trị giá. Nếu trong lô hàng nhập khẩu có nhiều mặt hàng có các tiêu thức từ tiêu thức 1 đến tiêu thức 5 không giống nhau thì phải khai báo trên nhiều tờ khai trị giá.

- Trường hợp hàng hóa nhập khẩu có trên 08 mặt hàng:

+ Người khai hải quan tự lập phụ lục tờ khai trị giá, đảm bảo đầy đủ các nội dung quy định tại mẫu HQ/2008-PLTG.

+ Trên tờ khai trị giá HQ/2008-TGTT: người khai hải quan không khai báo các tiêu thức từ tiêu thức 6 đến tiêu thức 24, các tiêu thức còn lại khai báo như hướng dẫn.

- Nguyên tắc phân bổ để kê khai:

Trường hợp có các chi phí liên quan đến nhiều mặt hàng khác nhau nhưng các chứng từ liên quan không quy định cụ thể chi phí cho từng mặt hàng thì người khai hải quan phân bổ các chi phí đó theo tỷ lệ trị giá của từng mặt hàng trên tổng trị giá của lô hàng, trừ các khoản chi phí vận tải, bảo hiểm đã được quy định cách phân bổ tại Thông tư hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16

tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

- Phần khai báo trên tờ khai:

PHẦN KHAI BÁO CỦA NGƯỜI KHAI HẢI QUAN

Tờ số ... /... tờ (Phụ lục số .../... tờ)	Ghi số thứ tự từng tờ khai trị giá (phụ lục tờ khai trị giá)/ tổng số tờ khai trị giá (phụ lục tờ khai trị giá). Ví dụ: Lô hàng nhập khẩu có 13 mặt hàng và khai báo trên 03 tờ khai trị giá: Tờ số ..1../..3.. tờ; Tờ số ..2../..3.. tờ; Tờ số ..3../..3.. tờ
Số lượng phụ lục tờ khai trị giá	Ghi số lượng phụ lục tờ khai trị giá đi kèm mỗi tờ khai trị giá.
Tiêu thức 1	Ghi ngày phát hành vận đơn
ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG TRỊ GIÁ GIAO DỊCH	
Tiêu thức 2	Khai báo CÓ nếu người mua có đầy đủ quyền định đoạt, quyền sử dụng hàng hóa sau khi nhập khẩu. Khai báo KHÔNG nếu người mua không có đầy đủ quyền định đoạt, quyền sử dụng hàng hóa sau khi nhập khẩu
Tiêu thức 3	Khai báo CÓ nếu việc bán hàng hay giá cả hàng hóa có phụ thuộc vào một số điều kiện dẫn đến việc không xác định được trị giá của hàng hóa cần xác định trị giá tính thuế. Ví dụ: Vở và bút được đóng gói chung để bán lẻ. Người mua và người bán thỏa thuận đơn giá cho từng gói hàng để bán lẻ, vì vậy không thể xác định được đơn giá của từng mặt hàng bút, vở. Khai báo KHÔNG nếu việc bán hàng hay giá cả của hàng hóa không phụ thuộc vào bất kỳ điều kiện nào
Tiêu thức 4	Khai báo CÓ nếu sau khi bán lại, chuyển nhượng hoặc sử dụng hàng hóa người mua phải trả thêm khoản tiền từ số tiền thu được do việc định đoạt hàng hóa nhập khẩu mang lại. Nếu trên đây đã khai báo CÓ thì khai báo tiếp khoản tiền đó có phải là khoản tiền nêu tại tiêu thức 15 hay không: Khai báo KHÔNG, người khai hải quan sử dụng phương pháp khác để xác định trị giá tính thuế. Khai báo CÓ, người khai hải quan tiếp tục khai báo trên tờ khai này
Tiêu thức 5	Khai báo CÓ nếu mối quan hệ đặc biệt giữa người mua và người bán thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 12 Điều 2 Nghị định số 40/2007/NĐ-CP

	Khai báo mối quan hệ đó có ảnh hưởng đến trị giá giao dịch hay không. Khai báo KHÔNG nếu mối quan hệ giữa người mua và người bán không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 12 Điều 2 Nghị định số 40/2007/NĐ-CP. Trường hợp mối quan hệ đặc biệt ảnh hưởng đến giá cả, người khai hải quan sử dụng phương pháp tiếp theo để xác định trị giá tính thuế.
PHẦN XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ	
Tiêu thức 6	Không khai báo chi tiết tên hàng mà chỉ ghi số thứ tự của từng mặt hàng theo số thứ tự đã khai báo tại tiêu thức 17 tờ khai hàng hóa nhập khẩu (HQ/2002-NK) hoặc phụ lục tờ khai hàng hóa nhập khẩu.
I. TRỊ GIÁ GIAO DỊCH	
Tiêu thức 7	Khai báo đơn giá nguyên tệ. Ví dụ 1: Hóa đơn thương mại thể hiện: - Giá hóa đơn: 1000 USD/bộ CIF Hà Nội, khai báo tại tiêu thức 7. - Phí giấy phép: 20 USD/bộ, khai báo tại tiêu thức 14. Ví dụ 2: Hóa đơn thương mại thể hiện - Giá hóa đơn: 1000 USD/bộ FOB Hà Nội, khai báo tại tiêu thức 7 - Chi phí vận chuyển (F) 100 USD/bộ, khai báo tại tiêu thức 16. - Chi phí bảo hiểm (I) 7 USD/bộ, khai báo tại tiêu thức 17. * Trong ví dụ 1 giá ghi trên hóa đơn thương mại bao gồm cả phí vận chuyển, phí bảo hiểm thì không cần tách riêng các chi phí này ra để khai báo vào các tiêu thức 16 và tiêu thức 17
Tiêu thức 8	- Khai báo các khoản thanh toán gián tiếp quy định tại điểm c khoản 2 Mục I Phần II Thông tư hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu nếu như chúng chưa bao gồm trong giá mua ghi trên hóa đơn thương mại (tiêu thức 7) - Trường hợp việc mua bán hàng hóa hay giá cả của hàng hóa phụ thuộc vào một hay một số điều kiện đã khai báo tại tiêu thức 3, nhưng người mua có tài liệu khách quan, hợp lệ để xác định mức ảnh hưởng bằng tiền của sự phụ thuộc đó, thì người khai hải quan khai báo khoản tiền được giảm do sự ảnh hưởng đó tại tiêu thức này

	Ví dụ: Người xuất khẩu thỏa thuận bán cho người nhập khẩu hàng hóa A với mức giá giảm 1.000 USD/tổng trị giá lô hàng nếu người nhập khẩu chấp nhận mua kèm hàng hóa B, 1000 USD sẽ phải khai báo tại tiêu thức 8 tương ứng với hàng hóa A, sau khi đã phân bổ đều cho lượng hàng hóa nhập khẩu A
Tiêu thức 9	Khai báo các khoản trả trước, ứng trước, đặt cọc liên quan đến việc mua hàng hóa nhập khẩu, nếu chúng chưa bao gồm trong giá mua ghi trên hóa đơn thương mại (tiêu thức 7)
II. CÁC KHOẢN PHẢI CỘNG	
Tiêu thức 10 đến tiêu thức 17	Người khai hải quan đối chiếu với quy định tại khoản 1, khoản 2 Mục VII Phần II Thông tư hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để kê khai. Chỉ khai báo các khoản điều chỉnh cộng do người mua phải trả, liên quan đến hàng hóa nhập khẩu và chúng chưa bao gồm trong giá mua ghi trên hóa đơn (tiêu thức 7)
Tiêu thức 14	Trường hợp tại thời điểm kê khai hải quan không xác định được tiền bản quyền, phí giấy phép để kê khai thì ghi vào ô tương ứng "*Khai báo sau"*
III. CÁC KHOẢN ĐƯỢC TRỪ	
Tiêu thức 18 đến tiêu thức 22	Người khai hải quan đối chiếu với quy định tại khoản 1, khoản 3 Mục VII Phần II Thông tư hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để kê khai. Chỉ khai báo các khoản điều chỉnh trừ nếu chúng đã bao gồm trong trị giá giao dịch (tiêu thức 7, tiêu thức 8, tiêu thức 9)
Tiêu thức 22	Khoản giảm giá được phép khấu trừ phải được thực hiện trước khi xếp hàng lên phương tiện vận chuyển ở nước xuất khẩu hàng hóa và được lập thành văn bản nộp cùng với tờ khai hải quan hàng hóa nhập khẩu. Người khai hải quan có trách nhiệm khai báo khoản giảm giá trên tờ khai trị giá
Tiêu thức 23	Được xác định bằng tổng các tiêu thức từ 7 đến 17 và trừ đi các tiêu thức từ 18 đến 22

Tiêu thức 24	Trị giá tính thuế của một đơn vị hàng hóa bằng đơn vị tiền Việt Nam được xác định bằng phép nhân giữa tiêu thức 23 trên tờ khai trị giá và tỷ giá tính thuế tại tiêu thức 15 tờ khai HQ/2002-NK
Tiêu thức 25	Người khai hải quan ghi rõ ngày, tháng, năm khai báo; ký và ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu đơn vị
PHẦN DÀNH CHO CÔNG CHỨC HẢI QUAN	
Tiêu đề của tờ khai trị giá	Công chức hải quan tiếp nhận, đăng ký tờ khai trị giá ghi số, ngày đăng ký tờ khai hàng hóa nhập khẩu (HQ/2002-NK) của lô hàng đang được khai báo trị giá
Tiêu thức 26	Công chức hải quan tiếp nhận tờ khai trị giá ghi chép các thông tin liên quan đến việc xác định trị giá vào bản lưu tại cơ quan hải quan để chuyển đến các khâu nghiệp vụ sau và ký, ghi rõ họ tên. Bản trả cho người khai hải quan, công chức hải quan tiếp nhận tờ khai trị giá chỉ ký và ghi rõ họ tên. * Trường hợp người khai hải quan khai báo trên phụ lục tờ khai trị giá, công chức hải quan tiếp nhận tờ khai trị giá vẫn ghi chép đầy đủ vào tiêu thức này
Tiêu thức 27	Công chức hải quan kiểm tra, xác định trị giá tính thuế ghi chép ý kiến về nội dung xác định trị giá tính thuế của người khai hải quan và ký, ghi rõ họ tên vào bản lưu tại cơ quan Hải quan, không ghi vào bản trả cho người khai hải quan. - Chấp nhận kết quả xác định trị giá tính thuế. - Không chấp nhận trị giá khai báo, xác định lại trị giá tính thuế, ghi rõ phương pháp được sử dụng. - Yêu cầu tham vấn. - Yêu cầu kiểm tra sau thông quan, lý do. - Các nội dung phải tiếp tục kiểm tra. - Ghi chép nghiệp vụ khác. * Trường hợp người khai hải quan khai báo trên phụ lục tờ khai trị giá, công chức hải quan kiểm tra, xác định trị giá tính thuế vẫn ghi chép đầy đủ vào tiêu thức này

III. HƯỚNG DẪN KHAI BÁO TRÊN CÁC MẪU PP2, PP3, PP4, PP5, PP6

a) Phần dành cho công chức hải quan

- Gồm các tiêu thức:

+ Tiêu đề của tờ khai trị giá: *Kèm theo tờ khai hàng hóa nhập khẩu số..... ngày.... tháng... năm...*

+ Ghi chép của công chức hải quan tiếp nhận tờ khai trị giá ký, ghi rõ họ tên.

+ Ghi chép của công chức hải quan kiểm tra, xác định trị giá tính thuế.

- Công chức hải quan căn cứ hướng dẫn khai báo tại điểm a hướng dẫn này *(Phần dành cho công chức hải quan)* để ghi chép.

b) Phần dành cho người khai hải quan

b.1) Khai báo trên mẫu PP2 (phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu giống hệt), mẫu PP3 (phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu tương tự):

- *Tờ số.../...tờ:* Người khai hải quan ghi số thứ tự của từng tờ khai trị giá/tổng số tờ khai trị giá.

- *Tên hàng hóa cần xác định trị giá tính thuế:* Người khai hải quan ghi rõ tên hàng, quy cách, phẩm chất của hàng hóa theo hợp đồng thương mại.

- *Tên hàng hóa nhập khẩu giống hệt/Tên hàng hóa nhập khẩu tương tự:* người khai hải quan khai báo theo kết quả kiểm hóa của hàng hóa nhập khẩu giống hệt/hàng hóa nhập khẩu tương tự.

- *Ngày xuất khẩu:* Ghi ngày phát hành vận đơn của lô hàng đó.

- *Xác định trị giá tính thuế và giải trình:* Người khai hải quan căn cứ mục II, mục III Phần II Thông tư hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để khai báo và xác định trị giá tính thuế nguyên tệ của mặt hàng đang cần xác định trị giá.

- *Các khoản điều chỉnh:*

Trong trường hợp hàng hóa nhập khẩu giống hệt/hàng hóa nhập khẩu tương tự không có cùng điều kiện mua bán với lô hàng đang xác định trị giá tính thuế thì người khai hải quan phải xác định từng khoản điều chỉnh tương ứng, nếu là điều chỉnh tăng thì đánh dấu cộng (+), nếu là điều chỉnh giảm thì đánh dấu trừ (-) trước khoản điều chỉnh đó và ghi vào cột "nguyên tệ".

- *Giải trình các khoản điều chỉnh*: Người khai hải quan giải trình cụ thể cách xác định từng khoản điều chỉnh.

- *Chứng từ kèm theo:*

+ Liệt kê các chứng từ quy định tại Thông tư hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

+ Ghi các số liệu, chứng từ đã sử dụng để xác định các khoản điều chỉnh.

- *Phần cam đoan của người khai hải quan:* Người khai hải quan ghi ngày, tháng, năm khai báo và ký xác nhận, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu đơn vị trên tờ khai trị giá.

b.2) Khai báo trên mẫu PP4 (phương pháp trị giá khấu trừ)

- *Tờ số.../... tờ:* Người khai hải quan ghi số thứ tự của từng tờ khai trị giá/tổng số tờ khai trị giá.

- *Tên hàng hóa cần xác định trị giá tính thuế:* Người khai hải quan ghi rõ tên hàng, quy cách, phẩm chất của hàng hóa theo hợp đồng thương mại.

- *Tên hàng hóa nhập khẩu đã bán lại trong nước được lựa chọn để khấu trừ:* người khai hải quan khai báo theo kết quả kiểm hóa.

- *Xác định trị giá tính thuế và giải trình:*

+ *Đơn giá bán trên thị trường Việt Nam:* Trường hợp đơn giá bán được lựa chọn để khấu trừ được tính trên đơn vị hàng hóa khác với đơn vị hàng hóa của lô hàng nhập khẩu đang xác định trị giá tính thuế thì phải điều chỉnh đơn giá phù hợp với đơn vị hàng hóa của lô hàng đang xác định trị giá tính thuế trước khi tiến hành khấu trừ.

+ *Các khoản được khấu trừ tính trên một đơn vị hàng hóa*: Người khai hải quan đối chiếu với quy định tại khoản 3 Mục IV Phần II Thông tư hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để khai báo.

Riêng đối với "Khoản lợi nhuận và chi phí quản lý chung" người khai hải quan phải tính toán tỷ lệ phần trăm so với đơn giá bán và khai báo vào cột "tỷ lệ phần trăm so với giá bán".

- *Giải trình các khoản được khấu trừ*: Người khai hải quan ghi rõ:

+ Căn cứ tính toán (nguồn số liệu,...).

+ Phương pháp tính toán số học.

- *Chứng từ kèm theo:*

Người khai hải quan kê khai tên các loại chứng từ đã sử dụng để xác định trị giá tính thuế và được nộp cùng tờ khai trị giá tính thuế.

- *Phần cam đoan của người khai hải quan:* Người khai hải quan ghi ngày/tháng/năm khai báo và ký xác nhận, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu đơn vị trên tờ khai trị giá.

b.3) Khai báo trên mẫu PP5 (phương pháp trị giá tính toán)

- *Tờ số.../... tờ:* Người khai hải quan ghi số thứ tự của từng tờ khai trị giá/tổng số tờ khai trị giá.

- *Tên hàng hóa cần xác định trị giá tính thuế:* Người khai hải quan ghi rõ tên hàng, quy cách, phẩm chất của hàng hóa theo hợp đồng thương mại.

- *Tên, địa chỉ đơn vị cung cấp số liệu về chi phí sản xuất:* Người khai hải quan khai báo rõ tên, địa chỉ của người sản xuất hay đại diện của người sản xuất, đã cung cấp thông tin để xác định trị giá tính toán

- *Xác định trị giá tính thuế và giải trình:*

Người khai hải quan căn cứ các quy định tại Mục V Phần II Thông tư hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để khai báo.

- *Phương pháp kế toán đã áp dụng và chứng từ đã sử dụng:* Người khai hải quan khai báo rõ phương pháp kế toán, chứng từ, tài liệu đã sử dụng để xác định trị giá tính toán.

- *Phần cam đoan của người khai hải quan:* Người khai hải quan ghi ngày/ tháng/năm khai báo và ký xác nhận, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu đơn vị trên tờ khai trị giá.

b.4) Khai báo trên mẫu PP6 (phương pháp suy luận)

- *Tờ số.../... tờ:* Người khai hải quan ghi số thứ tự của từng tờ khai trị giá/tổng số tờ khai trị giá.

- *Tên hàng hóa cần xác định trị giá tính thuế:* Người khai hải quan ghi rõ tên hàng, quy cách, phẩm chất của hàng hóa theo hợp đồng thương mại.

- *Các thông tin được sử dụng để xác định trị giá tính thuế:* Khai báo chi tiết nguồn thông tin được khai thác để xác định trị giá tính thuế (số ngày đăng ký tờ khai hàng hóa nhập khẩu giống hệt/tương tự; số, ngày hóa đơn bán lại hàng hóa nhập khẩu trên thị trường Việt Nam; thông tin thu được từ người sản xuất;…).

- *Xác định trị giá tính thuế:* Người khai hải quan căn cứ quy định tại Mục VI Phần II Thông tư hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để khai báo cách xác định trị giá tính thuế.

- *Giải trình:* Người khai hải quan giải trình cụ thể về cách thức xác định trị giá tính thuế.

MẪU PP2

KHAI BÁO TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ THEO PHƯƠNG PHÁP TRỊ GIÁ GIAO DỊCH CỦA HÀNG HÓA NHẬP KHẨU GIỐNG HỆT

Kèm theo tờ khai hàng hóa nhập khẩu số..... ngày.... tháng..... năm 200...

Tờ số...../..... tờ

I. Lý do không áp dụng phương pháp trị giá giao dịch:

II. Tên hàng hóa cần xác định trị giá tính thuế:

Số thứ tự trên tờ khai nhập khẩu: Ngày xuất khẩu:

III. Tên hàng hóa nhập khẩu giống hệt:

Số thứ tự trên tờ khai nhập khẩu

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số ..... ngày..... tháng..... năm 200... đăng ký tại Chi cục hải quan Cục Hải quan Ngày xuất khẩu:

IV. Xác định trị giá tính thuế và giải trình:

	Nguyên tệ
1. Trị giá tính thuế của hàng hóa nhập khẩu giống hệt	
2. Các khoản điều chỉnh (+/ -)	
(a) Điều chỉnh về cấp độ thương mại	
(b) Điều chỉnh về số lượng	
(c) Điều chỉnh các khoản giảm giá khác	
(d) Điều chỉnh về chi phí vận tải	
(đ) Điều chỉnh về phí bảo hiểm	
3. Trị giá tính thuế nguyên tệ của hàng hóa cần xác định trị giá tính thuế = (1) ± (2)	
4. Trị giá tính thuế bằng Đồng Việt Nam = (3) x tỷ giá	

Giải trình các khoản điều chỉnh và chứng từ kèm theo:

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung khai báo trên đây. **Ngày .... tháng ... năm 200...**	**Ghi chép của công chức hải quan tiếp nhận tờ khai trị giá**	**Ghi chép của công chức hải quan kiểm tra, xác định trị giá tính thuế**
(Ghi rõ họ tên, chức danh, ký, đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

MẪU PP3

KHAI BÁO TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ THEO PHƯƠNG PHÁP TRỊ GIÁ GIAO DỊCH CỦA HÀNG HÓA NHẬP KHẨU TƯƠNG TỰ

Kèm theo tờ khai hàng hóa nhập khẩu số..... ngày.... tháng.... năm 200...

Tờ số...../..... tờ

I. Lý do không áp dụng các phương pháp xác định trị giá tính thuế trước đó:

II. Tên hàng hóa cần xác định trị giá tính thuế:

Số thứ tự trên tờ khai nhập khẩu: Ngày xuất khẩu:

III. Tên hàng hóa nhập khẩu tương tự:

Số thứ tự trên tờ khai nhập khẩu

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số ..... ngày..... tháng ..... năm 200... đăng ký tại Chi cục hải quan Cục Hải quan Ngày xuất khẩu:

IV. Xác định trị giá tính thuế và giải trình:

	Nguyên tệ
1. Trị giá tính thuế của hàng hóa nhập khẩu tương tự	
2. Các khoản điều chỉnh (+/ -)	
(a) Điều chỉnh về cấp độ thương mại	
(b) Điều chỉnh về số lượng	
(c) Điều chỉnh các khoản giảm giá khác	
(d) Điều chỉnh về chi phí vận tải	
(đ) Điều chỉnh về phí bảo hiểm	
3. Trị giá tính thuế nguyên tệ của hàng hóa cần xác định trị giá tính thuế = (1) ± (2)	
4. Trị giá tính thuế bằng Đồng Việt Nam = (3) x tỷ giá	

Giải trình các khoản điều chỉnh và chứng từ kèm theo:

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung khai báo trên đây. **Ngày.... tháng... năm 200...** *(Người khai hải quan ghi rõ họ tên, chức danh, ký, đóng dấu)*	**Ghi chép của công chức hải quan tiếp nhận tờ khai trị giá** *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**Ghi chép của công chức hải quan kiểm tra, xác định trị giá tính thuế** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

MẪU PP4

KHAI BÁO TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ THEO PHƯƠNG PHÁP TRỊ GIÁ KHẤU TRỪ

Kèm theo tờ khai hàng hóa nhập khẩu số ..... ngày .... tháng.... năm 200...
Tờ số ...../..... tờ

I. Lý do không áp dụng các phương pháp xác định trị giá tính thuế trước đó:

II. Tên hàng hóa cần xác định trị giá tính thuế:

Số thứ tự trên tờ khai hàng hóa nhập khẩu:

III. Tên hàng hóa nhập khẩu đã bán lại trong nước được lựa chọn để khấu trừ:

IV. Xác định trị giá tính thuế và giải trình:

	Đồng Việt Nam	**Tỷ lệ (%) so với giá bán**
1. Đơn giá bán trên thị trường Việt Nam		
2. Các khoản được khấu trừ (tính trên một đơn vị hàng hóa)		
- Tiền hoa hồng		
- Khoản lợi nhuận và chi phí quản lý chung		
- Chi phí vận tải, bốc xếp, chuyển hàng nội địa		
- Chi phí bảo hiểm nội địa		
- Phí/lệ phí/thuế		
3. Trị giá tính thuế bằng đồng Việt Nam của hàng hóa nhập khẩu cần xác định trị giá tính thuế = (1) - (2)		

Giải trình các khoản điều chỉnh và chứng từ kèm theo:

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung khai báo trên đây **Ngày.... tháng... năm 200...**	**Ghi chép của công chức hải quan tiếp nhận tờ khai trị giá**	**Ghi chép của công chức hải quan kiểm tra, xác định trị giá tính thuế**
(Ghi rõ họ tên, chức danh, ký, đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

MẪU PP5

KHAI BÁO TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ THEO PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN

Kèm theo tờ khai hàng hóa nhập khẩu số..... ngày ..... tháng..... năm 200...

Tờ số ...../..... tờ

I. Tên hàng hóa cần xác định trị giá tính thuế:

Số thứ tự trên tờ khai nhập khẩu

II. Tên, địa chỉ đơn vị cung cấp số liệu về chi phí sản xuất

III. Xác định trị giá tính thuế và giải trình:

	Trị giá nguyên tệ
1. Giá thành sản phẩm	
2. Các chi phí phải điều chỉnh	
- Hoa hồng bán hàng và phí môi giới	
- Chi phí bao bì gắn liền với hàng hóa	
- Chi phí đóng gói hàng hóa	
- Các khoản trợ giúp	
- Tiền bản quyền, phí giấy phép	
- Tiền thu được phải trả sau khi định đoạt hay sử dụng hàng hóa	
- Chi phí vận tải, bốc xếp, chuyển hàng	
- Chi phí bảo hiểm hàng hóa	
3. Lợi nhuận và chi phí chung	
4. Phí, lệ phí và thuế phải nộp (mà không được hoàn trả)	
5. Trị giá tính thuế nguyên tệ của hàng hóa đang cần xác định trị giá = (1) + (2) + (3) + (4)	
6. Trị giá tính thuế bằng Đồng Việt Nam = (5) x tỷ giá	

IV. Phương pháp kế toán đã áp dụng và các chứng từ đã sử dụng

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung khai báo trên đây. **Ngày.... tháng... năm 200...** *(Ghi rõ họ tên, chức danh, ký, đóng dấu)*	**Ghi chép của công chức hải quan tiếp nhận tờ khai trị giá** *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**Ghi chép của công chức hải quan kiểm tra, xác định trị giá tính thuế** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

MẪU PP6

KHAI BÁO TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ THEO PHƯƠNG PHÁP SUY LUẬN

Kèm theo tờ khai hàng hóa nhập khẩu số ..... ngày.... tháng..... năm 200...
Tờ số ...../..... tờ

I. Tên hàng hóa cần xác định trị giá tính thuế:

Số thứ tự trên tờ khai nhập khẩu

II. Các thông tin được sử dụng để xác định trị giá tính thuế

-

-

-

Chứng từ kèm theo:

III. Xác định trị giá tính thuế và giải trình

1. Lựa chọn cách xác định trị giá tính thuế

2. Giải trình:

3. Trị giá tính thuế nguyên tệ của hàng hóa nhập khẩu cần xác định trị giá tính thuế:

4. Trị giá tính thuế bằng đồng Việt Nam = (3) x tỷ giá

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung khai báo trên đây. **Ngày .... tháng ... năm 200...**	**Ghi chép của công chức hải quan tiếp nhận tờ khai trị giá**	**Ghi chép của công chức hải quan kiểm tra, xác định trị giá tính thuế**
(Ghi rõ họ tên, chức danh, ký, đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

HẢI QUAN VIỆT NAM

TỜ KHAI TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

Kèm theo tờ khai hàng hóa nhập khẩu HQ/2002-NK số ...../NK/.../... ngày.../.../200...
Tờ số ...../..... tờ
Số lượng phụ lục tờ khai trị giá:…… tờ

HQ/2008-TGTT

1. Ngày xuất khẩu: Ngày tháng năm 200.....

ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG TRỊ GIÁ GIAO DỊCH

2. Người mua có đầy đủ quyền định đoạt, quyền sử dụng hàng hóa sau khi nhập khẩu không ?	☐ Có	☐ Không
3. Việc bán hàng hay giá cả có phụ thuộc vào điều kiện nào dẫn đến việc không xác định được trị giá của hàng hóa nhập khẩu không ?	☐ Có	☐ Không
4. Người mua có phải trả thêm khoản tiền nào từ số tiền thu được do việc định đoạt, sử dụng hàng hóa nhập khẩu không?	☐ Có	☐ Không
Nếu Có, có phải là khoản tiền khai báo tại tiêu thức 15 không ?	☐ Có	☐ Không
5. Người mua và người bán có mối quan hệ đặc biệt hay không ?	☐ Có	☐ Không
Nếu Có, nêu rõ mối quan hệ đó		
Mối quan hệ đặc biệt có ảnh hưởng đến trị giá giao dịch không ?	☐ Có	☐ Không

PHẦN XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ

6. Số thứ tự mặt hàng trong tờ khai hàng hóa nhập khẩu		Mặt hàng số	Mặt hàng số	Mặt hàng số	Mặt hàng số .....
I. TRỊ GIÁ CƠ SỞ	7. Giá mua ghi trên hóa đơn				
	8. Khoản thanh toán gián tiếp				
	9. Khoản tiền trả trước, ứng trước, đặt cọc				
II. CÁC KHOẢN PHẢI CỘNG	10. Chi phí hoa hồng bán hàng/ phí môi giới				
	11. Chi phí bao bì gắn liền với hàng hóa				
	12. Chi phí đóng gói				
	13. Các khoản trợ giúp người mua cung cấp miễn phí hoặc giảm giá:				
	a. Nguyên vật liệu, bộ phận cấu thành, phụ tùng, chi tiết tương tự				
	b. Vật liệu, nhiên liệu, năng lượng tiêu hao				
	c. Công cụ, dụng cụ, khuôn rập, khuôn đúc, khuôn mẫu chi tiết tương tự				
	d. Bản vẽ thiết kế/kỹ thuật/triển khai, thiết kế mỹ thuật/thi công/ mẫu, sơ đồ, phác thảo, sản phẩm và dịch vụ tương tự				
	14. Tiền bản quyền, phí giấy phép				
	15.Tiền thu được phải trả sau khi định đoạt, sử dụng hàng hóa				
	16. Chi phí vận tải, bốc xếp, chuyển hàng				
	17. Chi phí bảo hiểm hàng hóa				
III. CÁC KHOẢN ĐƯỢC TRỪ	18. Phí bảo hiểm, vận tải hàng hóa trong nội địa				
	19. Chi phí phát sinh sau khi nhập khẩu				
	20. Tiền lãi phải trả do việc thanh toán tiền mua hàng				
	21. Các khoản thuế, phí , lệ phí phải trả				
	22. Khoản giảm giá				
IV. TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ	**23. Trị giá tính hải quan =7+8+…+17-18-19-…- 22**				
	24. Trị giá tính thuế bằng Đồng Việt Nam				

PHẦN XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ					
6. Số thứ tự mặt hàng trong tờ khai hàng hóa nhập khẩu		Mặt hàng số	Mặt hàng số	Mặt hàng số	Mặt hàng số .....
I. TRỊ GIÁ CƠ SỞ	10. Giá mua ghi trên hóa đơn				
	11. Khoản thanh toán gián tiếp				
	12. Khoản tiền trả trước, ứng trước, đặt cọc				
II. CÁC KHOẢN PHẢI CỘNG	10. Chi phí hoa hồng bán hàng/ phí môi giới				
	11. Chi phí bao bì gắn liền với hàng hóa				
	12. Chi phí đóng gói				
	13. Các khoản trợ giúp người mua cung cấp miễn phí hoặc giảm giá:				
	d. Nguyên vật liệu, bộ phận cấu thành, phụ tùng, chi tiết tương tự				
	e. Vật liệu, nhiên liệu, năng lượng tiêu hao				
	f. Công cụ, dụng cụ, khuôn rập, khuôn đúc, khuôn mẫu chi tiết tương tự				
	d. Bản vẽ thiết kế/kỹ thuật/triển khai, thiết kế mỹ thuật/thi công/ mẫu, sơ đồ, phác thảo, sản phẩm và dịch vụ tương tự				
	14. Tiền bản quyền, phí giấy phép				
	20.Tiền thu được phải trả sau khi định đoạt, sử dụng hàng hóa				
	21. Chi phí vận tải, bốc xếp, chuyển hàng				
	22. Chi phí bảo hiểm hàng hóa				
III. CÁC KHOẢN ĐƯỢC TRỪ	23. Phí bảo hiểm, vận tải hàng hóa trong nội địa				
	24. Chi phí phát sinh sau khi nhập khẩu				
	20. Tiền lãi phải trả do việc thanh toán tiền mua hàng				
	21. Các khoản thuế, phí , lệ phí phải trả				
	24. Khoản giảm giá				
IV. TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ	**25. Trị giá tính hải quan =7+8+…+17-18-19-…- 22**				
	24. Trị giá tính thuế bằng Đồng Việt Nam				

25. Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung khai báo trên tờ khai này	**DÀNH RIÊNG CHO CÔNG CHỨC HẢI QUAN**	
	26. Ghi chép của công chức hải quan tiếp nhận tờ khai	**27. Ghi chép của công chức hải quan kiểm tra, xác định giá trị tính thuế**
Ngày... tháng... năm 200...		
(Người khai hải quan ghi rõ họ tên, chức danh, ký, đóng dấu)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC TỜ KHAI TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

Phụ lục số: / tờ
Kèm theo tờ khai hàng hóa nhập khẩu HQ/2002-NK số...../NK/...../.....
Ngày đăng ký:

HQ/2008-PLTG

STT	Mặt hàng	Trị giá giao dịch			Các khoản phải cộng								Các khoản được trừ					TGTT nguyên tệ	TGTT bằng Đồng Việt Nam
	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung khai báo trên phụ lục tờ khai trị giá này.

Người khai ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên chức danh

TRỊ GIÁ GIAO DỊCH

(7) Giá mua ghi trên hóa đơn

(8) Khoản thanh toán gián tiếp

(9) Khoản tiền trả trước, ứng trước, đặt cọc

CÁC KHOẢN PHẢI CỘNG

(10) Chi phí hoa hồng bán hàng/phí môi giới

(11) Chi phí bao bì gắn liền với hàng hóa

(12) Chi phí đóng gói

(13) Các khoản trợ giúp người mua cung cấp miễn phí hoặc giảm giá

(14) Tiền bản quyền, phí giấy phép

(15) Tiền thu được phải trả sau khi định đoạt, sử dụng hàng hóa

(16) Chi phí vận tải, bốc xếp, chuyển hàng

(17) Chi phí bảo hiểm hàng hóa

CÁC KHOẢN ĐƯỢC TRỪ

(18) Chi phí bảo hiểm, vận tải hàng hóa trong nội địa

(19) Chi phí phát sinh sau khi nhập khẩu

(20) Tiền lãi phải trả do việc thanh toán tiền mua hàng

(21) Các khoản thuế, phí, lệ phí phải trả

(22) Khoản giảm giá

* Người khai hải quan căn cứ quy định tại Mục II Hướng dẫn khai báo trị giá tính thuế trên tờ khai trị giá ban hành kèm theo Quyết định này để kê khai